

CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM OGV
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MÃ I

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM OGV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OGV SOFTWARE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: OGV SOFT

2. Mã số doanh nghiệp: 0109101214

3. Ngày thành lập: 24/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 13B Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng sắt (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp Luật)	0710
2.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp Luật)	0722
3.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp Luật)	0899
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp Luật)	0990
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
8.	In ấn	1811
9.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
10.	Sao chép bản ghi các loại	1820
11.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
12.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
13.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
14.	Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	2630
15.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
16.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

17.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
18.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
19.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
20.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
21.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
22.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
23.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
24.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
25.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
26.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
28.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
29.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
31.	Tái chế phế liệu	3830
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102
34.	Xây dựng công trình điện	4221
35.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
37.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
38.	Xây dựng công trình thủy	4291
39.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
40.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
41.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
44.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
45.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
48.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
49.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
53.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
54.	Bán buôn thực phẩm	4632
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
57.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649
59.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết : bán buôn phần mềm Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi;	4651(Chính)
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
61.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
63.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón - Bán buôn cao su; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại - Bán buôn hoá chất được phép kinh doanh	4669
66.	Bán buôn tổng hợp	4690
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
68.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
69.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
70.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
71.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
72.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ phần mềm Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

75.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
77.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
78.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
79.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong, tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ), máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
80.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
81.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
82.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
83.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
84.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
85.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
86.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
89.	Bốc xếp hàng hóa	5224
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Dịch vụ logistics	5229
92.	Chuyển phát	5320
93.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
94.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
95.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
96.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
97.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
98.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820

99.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết : Đại lý dịch vụ viễn thông Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	6190
100.	Lập trình máy vi tính	6201
101.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
102.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
103.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
104.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
105.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán);	6619
106.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê CHI TIẾT: Kinh doanh bất động sản	6810
107.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản	6820
108.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
109.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	7020
110.	Cho thuê xe có động cơ	7710
111.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
112.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
113.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm);	7320
114.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
115.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
116.	Đại lý du lịch	7911
117.	Điều hành tua du lịch	7912
118.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
119.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
120.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

121.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
122.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Dịch vụ thương mại điện tử	8299
123.	Đào tạo sơ cấp	8531
124.	Đào tạo trung cấp	8532
125.	Đào tạo cao đẳng	8533
126.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy máy tính	8559
127.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
128.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
129.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	9000
130.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
131.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
132.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
133.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
134.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
135.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631

6. V n điều lệ: 500.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐOÀN THỊ ÁNH MY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 16/11/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011971909

Ngày cấp: 26/03/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 14 ngõ 1 Tổ 1, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 19 ngõ 2 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội